

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 04/3/2021

“Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Truyen.

Ông Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc: Ông Tăng Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Đồng Tháp – PGD S (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020).

Bị đơn: Anh Trang Ngọc L1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trang Thành T1, sinh năm 1964.

- Bà Trần Thị Mỹ L2, sinh năm 1964.
- Chị Trang Thị Thu D, sinh năm 1994.
- Chị Trang Thị Thu T2, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Tăng Văn T1 có mặt tại phiên Tòa. Anh Trang Ngọc L1, ông Trang Thành T2, bà Trần Thị Mỹ L2, chị Trang Thị Thu D và chị Trang Thị Thu T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có người đại diện theo ủy quyền là ông Tăng Văn T1 trình bày:

Vào ngày 19/12/2016, anh Trang Ngọc L1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 991/16/HĐTD/0602-445323 với Ngân hàng K:

Số tiền vay 230.000.000 đồng;

Mục đích vay bổ sung vốn trồng lúa và chăn nuôi bò;

Giải ngân ngày: 20/12/2016;

Thời hạn vay: 12 tháng;

Lãi suất vay là: 10,98%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,78%;

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi suất lãi chậm trả: 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Hình thức thanh toán: Gốc trả cuối kỳ, lãi vay trả 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 991/16/HĐTC-BĐSD/0602-445323 ngày 19/12/2016 gồm: QSDĐ rừng sản xuất, thửa 293 tờ bản đồ số 10 diện tích 9.448,2 m² do hộ ông Trang Thành T2 đứng tên giấy đất.

Kể từ ngày nhận tiền vay đến nay anh Trang Ngọc L1 không thanh toán nợ theo thỏa thuận đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 16/7/2020, anh Trang Ngọc L1 còn nợ Ngân hàng TMCP K, cụ thể:

Vốn gốc: 230.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 89.340.561 đồng;

Phạt chậm trả lãi: 23.577.979 đồng;

Lãi quá hạn: 44.670.280 đồng.

Tổng cộng: 387.588.820 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu anh Trang Ngọc L1 phải thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/7/2020 số tiền 387.588.820 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ vay.

Trường hợp sau khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ vay, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trang Thành T2, bà Trần Thị Mỹ L2, chị Trang Thị Thu D và chị Trang Thị Thu T3 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

- Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020 giữa bà Trần Tuấn A và ông Tăng Văn T1 (bản chính);

- Hợp đồng tín dụng số 991/16/HĐTD/0602-445323 ngày 19/12/2016 (bản sao chứng thực);

- Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/12/2016 của anh Trang Ngọc L1 (bản sao chứng thực);

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSDĐ ngày 19/12/2016 của anh Trang Ngọc L1 (bản sao chứng thực);
- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 991/16/HĐTC-BDS/0602-445323 ngày 19/12/2016 (bản sao chứng thực);
- Văn bản thỏa thuận ngày 03/11/2017 giữa các thành viên trong hộ ông Trang Thành T2 (bản sao chứng thực);
- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ ông Trang Thành T2 (bản photo);
- Bảng kê tính lãi (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng 991/16/HĐTC-BDS/0602-445323 ngày 19/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP K và anh Trang Ngọc L1 được lập thành văn bản, việc ký kết giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết hợp đồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[4.2] Xét Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 991/16/HĐTC-BĐS/0602-445323 ngày 19/12/2016 giữa hai bên đã được lập theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, tài sản thế chấp do ông Trang Thành T2 đại diện hộ đứng tên, các thành viên trong hộ đều thống nhất ông T2 được toàn quyền quyết định đối với quyền sử dụng đất khi tham gia các giao dịch; Các điều khoản trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật, có đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Do đó, có hiệu lực thi hành đối với các bên giao kết.

[4.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên phía nguyên đơn cho rằng anh L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng và nghĩa vụ trả lãi từ sau khi vay đến nay. Cụ thể tạm tính đến ngày 16/7/2020, anh Trang Ngọc L1 còn nợ Ngân hàng TMCP K vốn gốc 230.000.000 đồng, lãi trong hạn 89.340.561 đồng, phạt chậm trả lãi 23.577.979 đồng, lãi quá hạn 44.670.280 đồng, tổng cộng 387.588.820 đồng. Về phía anh L1 từ trước đến nay không có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh về việc anh đã có thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Cho nên, việc Ngân hàng TMCP K yêu cầu anh L1 thanh toán số tiền nợ vay như đã nêu là có cơ sở để chấp nhận.

[4.4] Căn cứ vào Điều 10 Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 991/16/HĐTC-BĐS/0602-445323 ngày 19/12/2016 giữa ông T2, bà L2 với Ngân hàng, chấp nhận việc Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp anh L1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ vay, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 19.379.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Buộc anh Trang Ngọc L1 trả cho Thương mại cổ phần K tổng dư nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/7/2020 là 387.588.820 đồng. Trong đó, nợ gốc là 230.000.000 đồng, lãi trong hạn là 89.340.561 đồng, phạt chậm trả lãi là 23.577.979 đồng và lãi quá hạn là 44.670.280 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 16/7/2020, anh Trang Ngọc L1 còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 991/16/HĐTD/0602-445323 ngày 19/12/2016, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Trang Ngọc L1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là QSDĐ rừng sản xuất thuộc thửa 293 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã T huyện T, Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CH04530 được UBND huyện T ngày 02/8/2016 do hộ ông Trang Thành T2 đứng tên quyền sử dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trang Ngọc L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.379.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.675.000 đồng theo Biên lai thu số 0006421 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tuấn